CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP CNG Việt Nam

Ngày 31/03/2024	35,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	20.5%	**27.4%**	**15.2%**

DT thuần
Q1/24
631
tỷ VNĐ
QoQ: ▼115| -15.4%
YoY: ▼108| -14.6%

LN thuần
Q1/24
1.91
tỷ VNĐ
QoQ: ▼44.6| -95.9%
YoY: ▼9.19| -82.8%

LN sau thuế
Q1/24
1.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▼35.0| -96.3%
YoY: ▼21.6| -94.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
0.4%
YoY: +/-▼ 5.7%

ROE (TTM)
Q1/24
13.6%
YoY: +/-▼ 3.8%

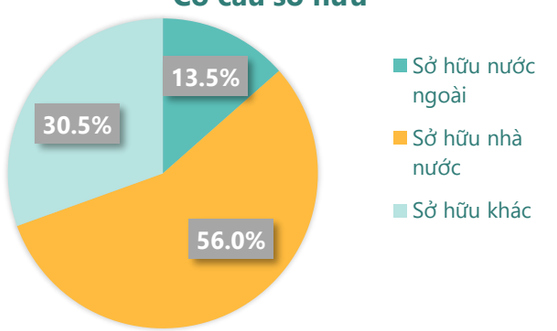
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	20,087 - 35,350
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	953
Số lượng CPLH (CP)	26,999,673
KLGD BQ 20 phiên (CP)	736,190
Sở hữu nước ngoài	13.5%
Beta	1.11
EPS	3,007
P/E	11.7

DT thuần
2023
3,112
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,073| -25.6%

LN thuần
2023
122
tỷ VNĐ
YoY: ▼32.0| -20.8%

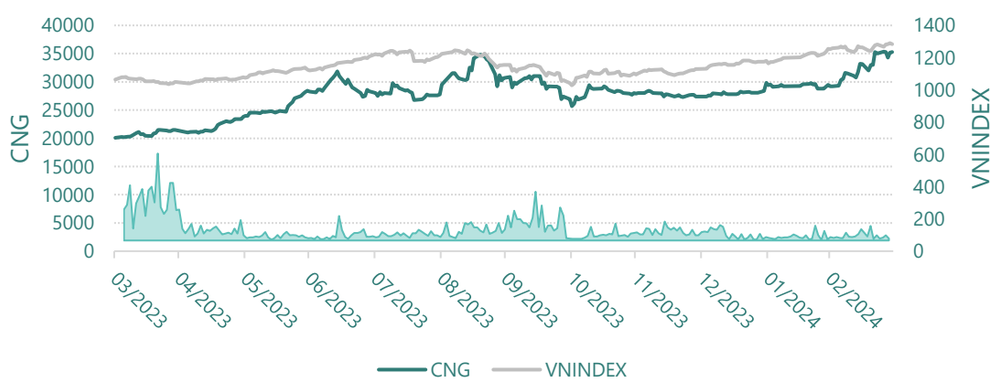
LN sau thuế
2023
110
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.00| -6.2%

Cơ cấu sở hữu

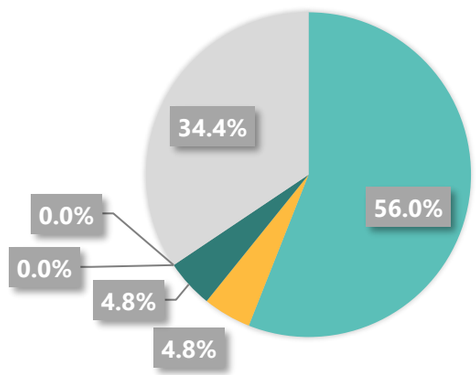


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

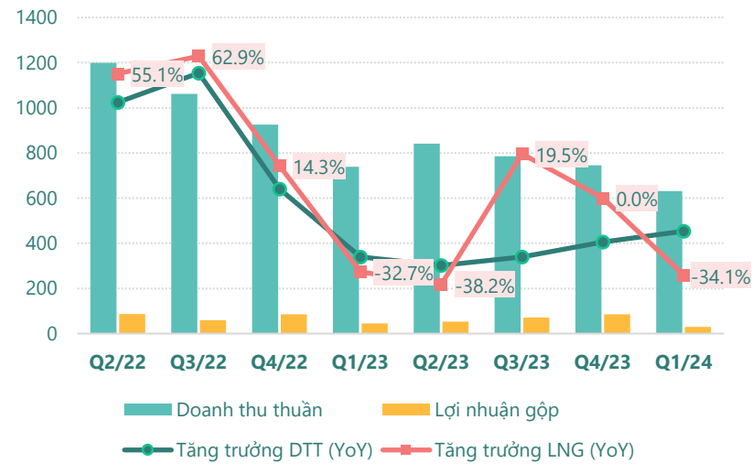


- Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP
- America LLC
- Samarang UCITS - Samarang Asian Prosperity
- Trần Quang Đán
- Lê Thị Thu Giang
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

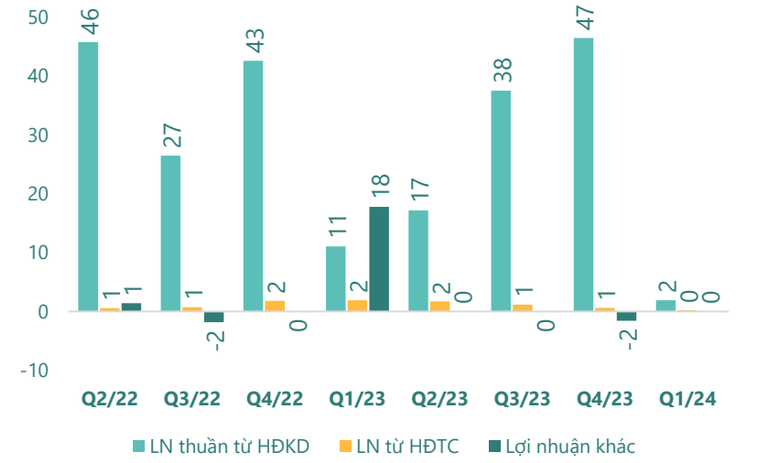
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



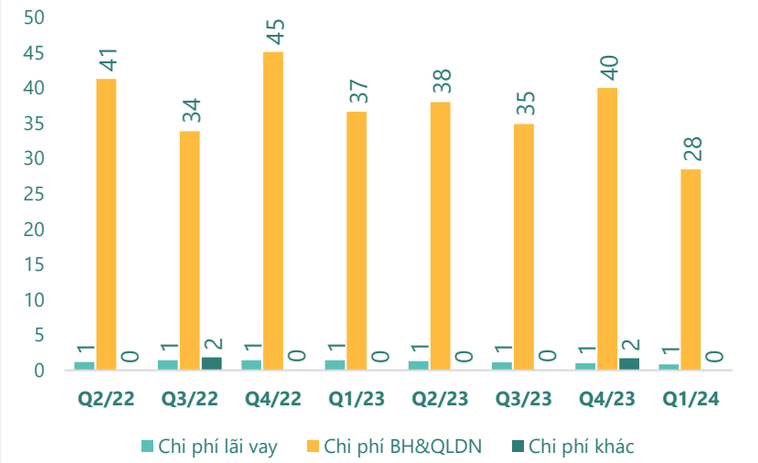
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



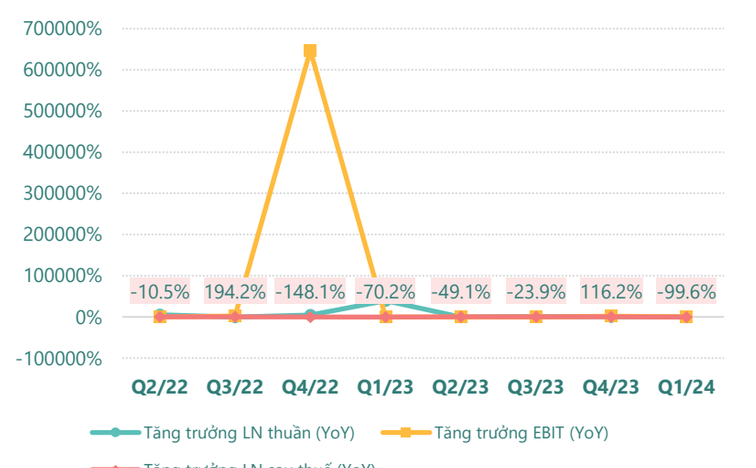
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



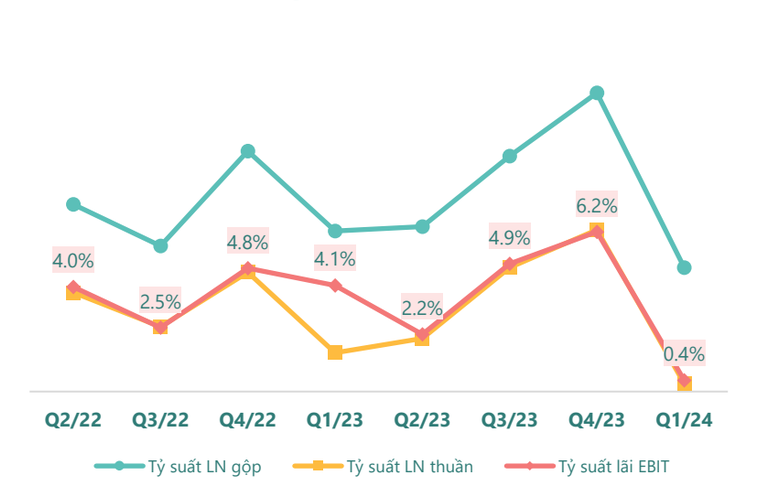
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



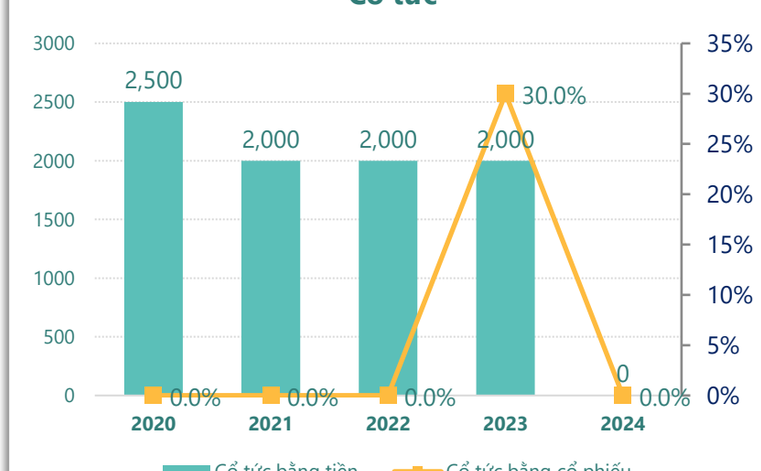
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

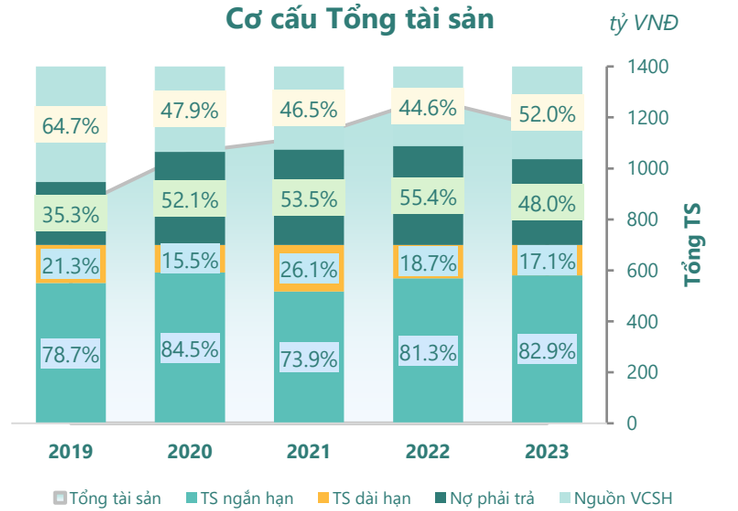
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

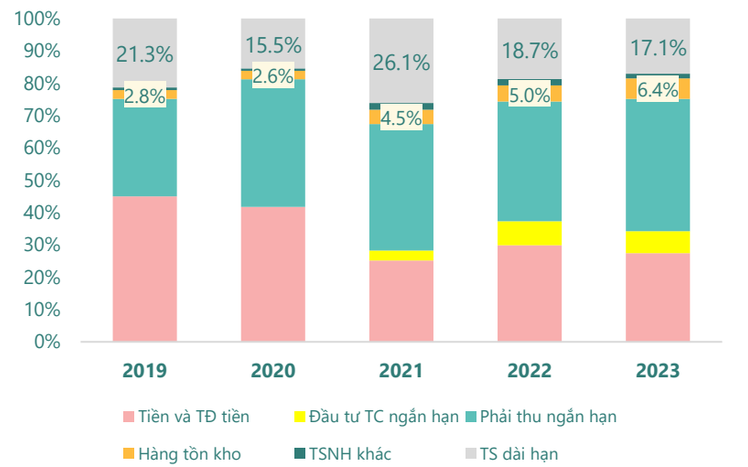
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



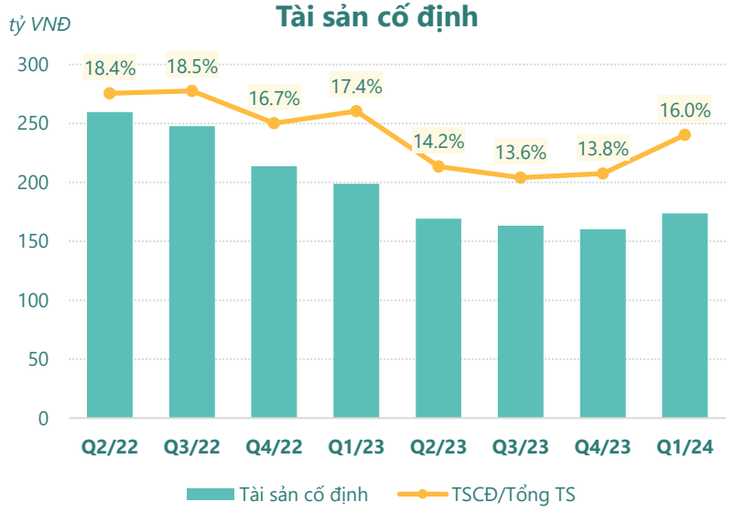
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



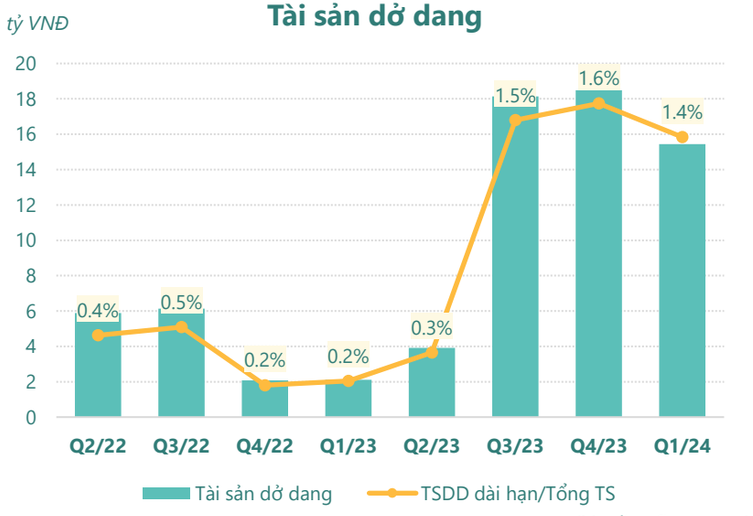
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



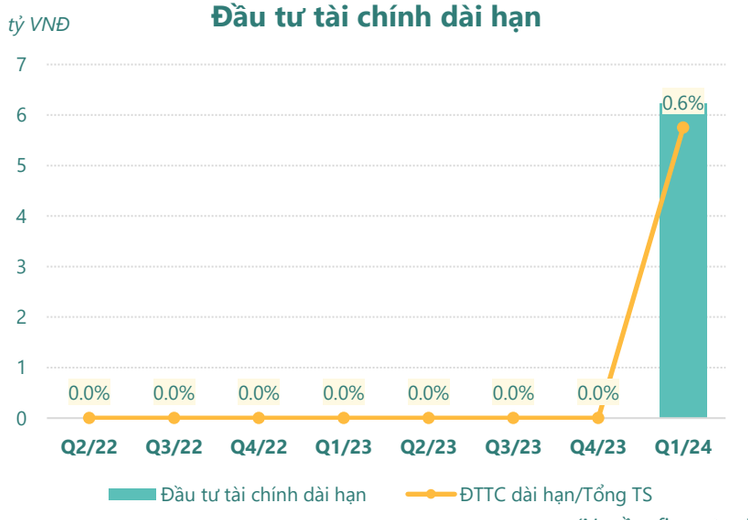
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



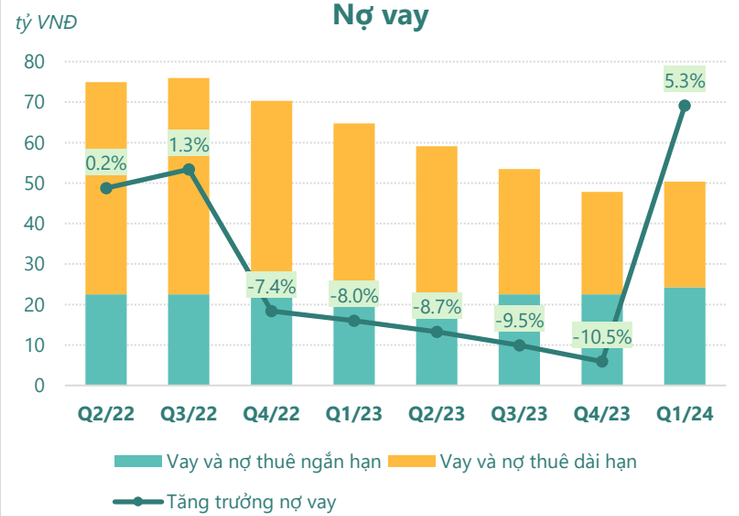
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

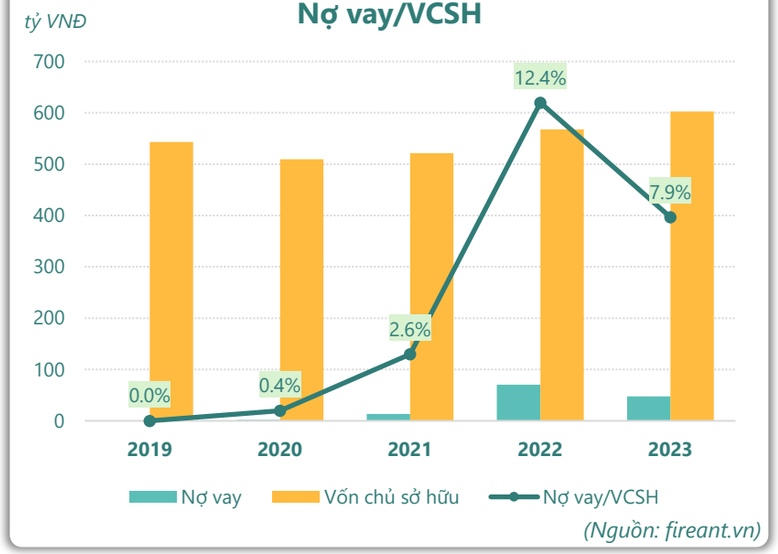
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

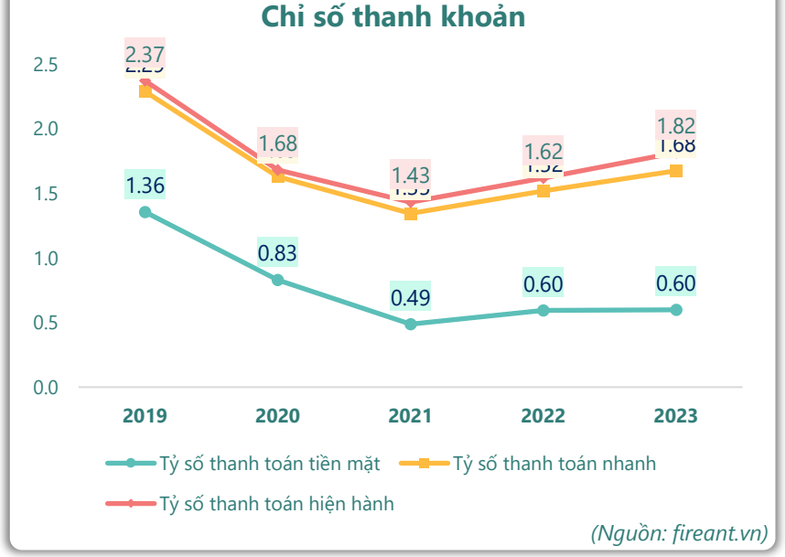
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



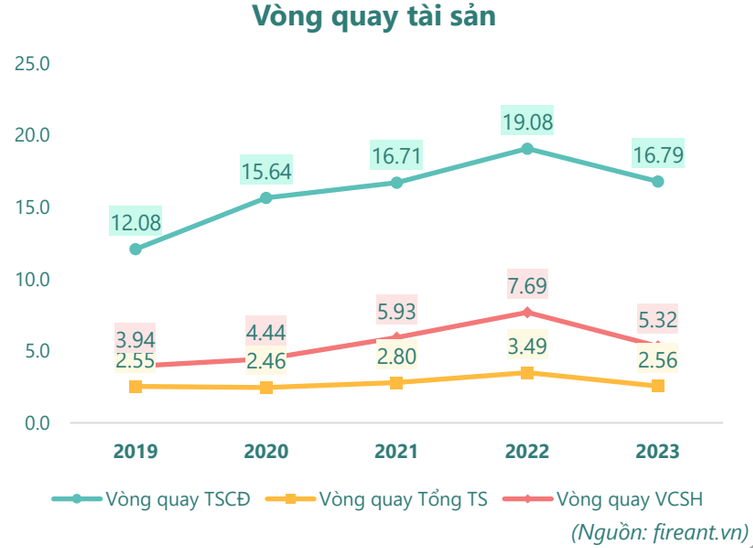
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



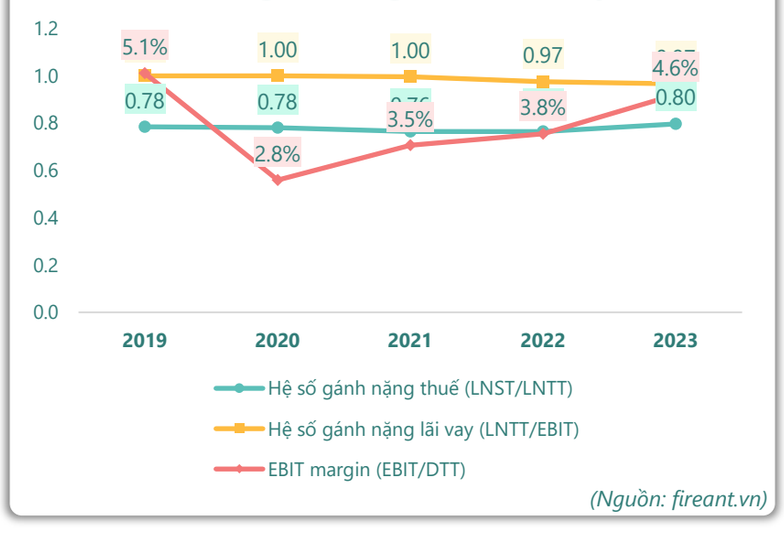
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



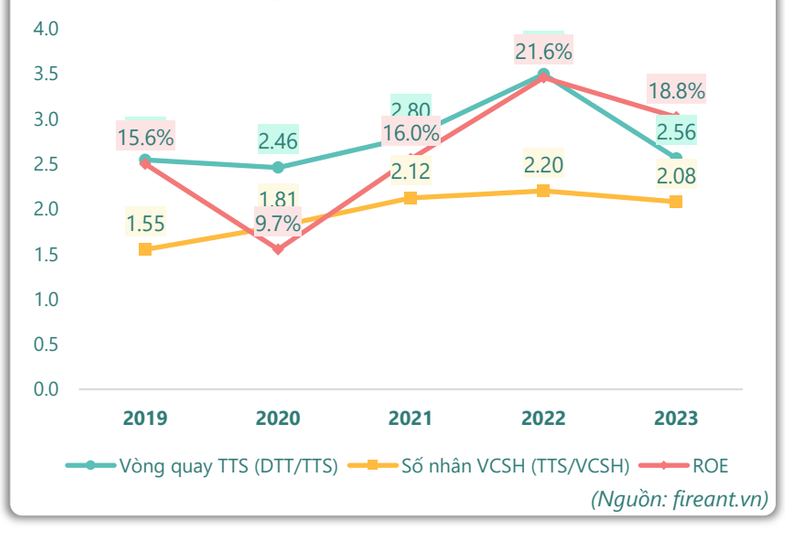
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



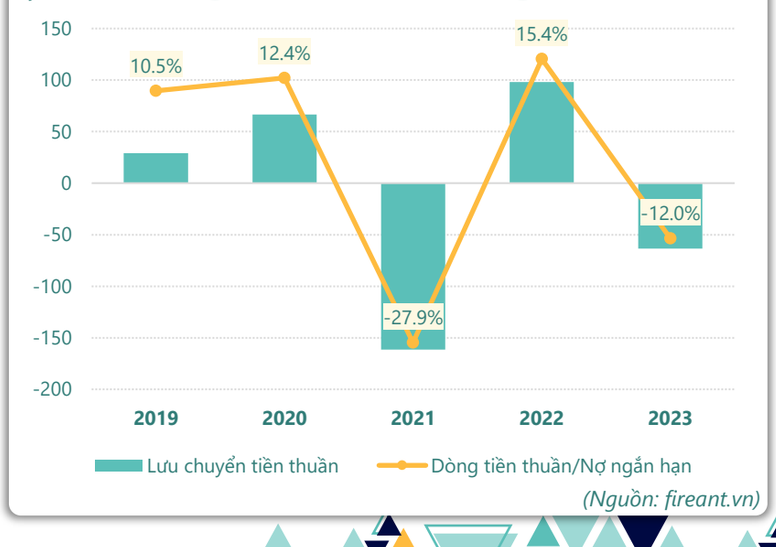
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**631**	**739**	**-14.6%**	**3,112**	**4,185**	**-25.6%**
Giá vốn hàng bán	601	694	-13.4%	2,847	3,890	-26.8%
Lợi nhuận gộp	30.2	45.8	-34.1%	265	295	-10.3%
Doanh thu HĐTC	1.15	3.32	-65.3%	10.7	8.30	28.8%
Chi phí TC	0.95	1.42	-33.2%	5.31	4.02	32.0%
Chi phí lãi vay	0.84	1.42	-40.9%	4.85	4.02	20.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	6.59	7.36	-10.4%	38.7	35.8	8.1%
Chi phí QLDN	**21.9**	**29.3**	**-25.3%**	**109**	**109**	**0.0%**
LN thuần từ HĐKD	1.91	11.1	-82.8%	122	154	-20.8%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**17.8**	**-100.0%**	**16.3**	**-0.39**	**4270%**
LN trước thuế	1.92	28.9	-93.4%	138	154	-10.0%
Lợi nhuận sau thuế	**1.34**	**22.9**	**-94.2%**	**110**	**118**	**-6.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.34**	**22.9**	**-94.2%**	**110**	**118**	**-6.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	90.7	-78.8	30.2	59.4	11.9	-83.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-61.2	-10.6	33.3	-8.50	-23.8	-19.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-32.6	-5.63	-5.63	-59.6	-5.63	2.53
Tiền đầu kỳ	384	381	286	344	335	317
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.07**	**-95.0**	**57.9**	**-8.74**	**-17.6**	**-101**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	381	286	344	335	317	216

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,084**	**1,159**	**-6.5%**
Tài sản ngắn hạn	877	961	-8.8%
Tiền và tương đương tiền	216	317	-31.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	79.3	79.3	0.0%
Phải thu ngắn hạn	491	474	3.6%
Hàng tồn kho	76.2	73.7	3.3%
Tài sản ngắn hạn khác	13.8	16.7	-17.0%
Tài sản dài hạn	**207**	**198**	**4.8%**
Phải thu dài hạn	0.31	0.33	-6.7%
Tài sản cố định	174	160	8.4%
Bất động sản đầu tư	11.4	11.6	-1.1%
Tài sản dở dang	15.4	18.5	-16.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.23	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**7.02**	**-100%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	480	556	-13.7%
Nợ ngắn hạn	**452**	**529**	**-14.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.2	22.5	7.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	342	447	-23.3%
Nợ dài hạn	27.6	26.8	2.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	26.1	25.3	3.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**604**	**603**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**604**	**603**	**0.2%**
Vốn điều lệ	351	351	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)